

THÔNG BÁO

Tuyển sinh đại học chính quy đợt 2 năm 2023 (TLS)

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủy lợi ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐT4 ngày 04/01/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủy lợi;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Thủy lợi năm 2023 tại Phân hiệu;

Trường Đại học Thủy lợi thông báo xét tuyển Đại học hệ chính quy tại Phân hiệu trường Đại học Thủy lợi đợt 2 năm 2023 như sau:

1. Đối tượng xét tuyển

Những thí sinh có đủ điều kiện tham gia xét tuyển theo điều 6 của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hiện hành.

2. Phạm vi tuyển sinh: tuyển sinh trong cả nước

3. Phương thức tuyển sinh: xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT (học bạ)

- Xét tuyển dựa vào tổng điểm trung bình năm lớp 10, năm lớp 11 và học kỳ 1 năm lớp 12 các môn trong tổ hợp xét tuyển tương ứng (thí sinh đã tốt nghiệp trước tháng 03/2023 cũng tính 05 học kỳ như trên).

Cách tính Điểm xét tuyển (ĐXT):

$ĐXT = \text{điểm } M1 + \text{điểm } M2 + \text{điểm } M3 + ĐUT + \text{Điểm cộng } XT$

Trong đó:

+ $M1 = (TB \text{ cả năm lớp } 10 \text{ môn } 1 + TB \text{ cả năm lớp } 11 \text{ môn } 1 + TB \text{ kỳ } 1 \text{ lớp } 12 \text{ môn } 1)/3;$

+ $M2 = (TB \text{ cả năm lớp } 10 \text{ môn } 2 + TB \text{ cả năm lớp } 11 \text{ môn } 2 + TB \text{ kỳ } 1 \text{ lớp } 12 \text{ môn } 2)/3;$

+ $M3 = (TB \text{ cả năm lớp } 10 \text{ môn } 3 + TB \text{ cả năm lớp } 11 \text{ môn } 3 + TB \text{ kỳ } 1 \text{ lớp } 12 \text{ môn } 3)/3;$

+ ĐUT: Là điểm ưu tiên Khu vực và Đối tượng theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Điểm cộng XT: Là điểm cộng cho các thí sinh ĐKXT thuộc các đối tượng sau:

a) Thí sinh là học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương các môn thuộc tổ hợp xét tuyển của ngành ĐKXT, học sinh các trường chuyên, học sinh giỏi ba năm học trung học phổ thông được cộng điểm vào điểm xét tuyển như sau:



TT	Đối tượng	Điểm cộng
1	Giải Nhất cấp tỉnh	3.0
2	Giải Nhì cấp tỉnh	2.5
3	Giải Ba cấp tỉnh	2.0
4	Giải khuyến khích cấp tỉnh	1.0
5	Học sinh giỏi năm lớp 10, 11 và học kỳ 1 năm lớp 12	1.0
6	Là học sinh lớp chuyên các môn chuyên trong tổ hợp xét tuyển	2.0
7	Là học sinh trường chuyên không thuộc lớp chuyên	1.0

b) Thí sinh đoạt giải trong các kỳ thi NCKH/KHKT cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được cộng điểm vào điểm xét tuyển đối với các ngành thuộc lĩnh vực tương ứng với nội dung giải của kỳ thi như sau:

TT	Đối tượng	Điểm cộng
1	Giải Nhất cấp tỉnh	2.0
2	Giải Nhì cấp tỉnh	1.5
3	Giải Ba cấp tỉnh	1.0

c) Thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ còn thời hạn đến ngày xét tuyển được cộng điểm vào điểm xét tuyển như sau:

Ngôn ngữ	Loại chứng chỉ	Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam		
		Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5 trở lên
Tiếng Anh	IELTS	4.5 – 5.0	5.5 – 6.5	7 trở lên
	TOEFL Paper	477 – 510	513 – 547	550 trở lên
	TOEFL CBT	153 – 180	183 – 210	213 trở lên
	TOEFL IBT	53 – 64	65 – 78	79 trở lên
	TOEIC	601 – 700	701 – 900	901 trở lên
Tiếng Trung Quốc	HSK	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5 trở lên
Tiếng Hàn Quốc	TOPIK II	120-149	150-189	190 trở lên
Tiếng Nhật Bản	JLPT	N4	N3	N2 trở lên
Tiếng Đức	TestDaF	TestDaF bậc 3	TestDaF bậc 4	TestDaF bậc 5 trở lên
Tiếng Pháp	CTF	300 – 399	400 – 499	500 trở lên
Điểm cộng XT		1.0	2.0	3.0

4. Danh sách ngành tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh và ngưỡng đảm bảo chất lượng

TT	Mã ngành	Tên ngành/Nhóm ngành	Tổ hợp xét tuyển	Xét theo học bạ	
				Chỉ tiêu	Ngưỡng đảm bảo chất lượng
1	TLS101	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	A00, A01, D01, D07	30	18.50
2	TLS102	Kỹ thuật tài nguyên nước	A00, A01, D01, D07	30	18.60
3	TLS104	Kỹ thuật xây dựng dân dụng và công nghiệp (Kỹ thuật xây dựng)	A00, A01, D01, D07	30	18.25
4	TLS107	Kỹ thuật Cấp thoát nước	A00, A01, D01, D07	30	18.60
5	TLS110	Xây dựng và quản lý hạ tầng đô thị (Kỹ thuật cơ sở hạ tầng)	A00, A01, D01, D07	40	18.78
6	TLS113	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	A00, A01, D01, D07	30	18.28

Ghi chú tổ hợp xét tuyển

Mã tổ hợp	Danh sách môn	Mã tổ hợp	Danh sách môn
A00	Toán, Vật lý, Hóa học	D01	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh

5. Phương thức, thời gian và nguyên tắc xét tuyển

5.1 Phương thức đăng ký xét tuyển và thời gian xét tuyển

- Thí sinh ĐKXT trực tuyến trên hệ thống tuyển sinh trực của Nhà trường tại địa chỉ: <http://dkxtdh.tlu.edu.vn>;
- Thời gian ĐKXT: từ ngày 29/8/2023 đến 16h00 ngày 09/9/2023.
- Kết quả xét tuyển: Nhà trường thông báo trước 12h00 ngày 10/9/2023.
- Thí sinh trúng tuyển xác nhận nhập học và khai hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ <https://nhaphocphanhieu.tlu.edu.vn> vào 11/09/2023.

5.2 Nguyên tắc xét tuyển

- Xét tuyển theo điểm từ trên xuống đến hết chỉ tiêu, không phân biệt thứ tự nguyện vọng và tổ hợp đăng ký xét tuyển.
- Thí sinh đã trúng tuyển nguyện vọng phía trên không được xét các nguyện vọng tiếp theo.
- Điểm xét tuyển được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.
- Điểm trúng tuyển được xác định theo từng ngành.
- Trong trường hợp nhiều thí sinh đạt cùng ngưỡng điểm trúng tuyển thì thứ tự ưu tiên là môn Toán;

6. Chính sách ưu tiên

- Nhà trường áp dụng chính sách ưu tiên khu vực và đối tượng theo quy định tại thông tư 08/2022/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT.
- Thí sinh đoạt giải kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh, học sinh các trường chuyên, học sinh giỏi 3 năm trung học phổ thông hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ, được cộng điểm ưu tiên xét tuyển cho từng đối tượng theo mục 3.

7. Lệ phí xét tuyển: 50.000đ/1 hồ sơ, nộp bằng cách chuyển khoản về:

Số tài khoản: 119000003531

Tên tài khoản: Trường Đại học Thủy Lợi

Tại: Ngân hàng Vietinbank chi nhánh Đống Đa

Số tiền: 50,000 VNĐ

Nội dung chuyển khoản: XTBS Họ và tên Số CMND/CCCD

Trường Đại học Thủy lợi trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- ĐƯ, BGH, HĐT (đề b/c);
- Website trường;
- Lưu: VT, PĐT. (HT.5b).



HIỆU TRƯỞNG

Trịnh Minh Thụ
GS.TS Trịnh Minh Thụ